

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học, cao đẳng chính quy – Quý IV/2013

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/ CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ kết quả học tập của các lớp Đại học, Cao đẳng chính quy các khoa Điện – Điện tử, Cơ khí, Xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Thông tin, Kinh tế, Kế toán Tài chính, Ngoại ngữ, viện Khoa học & Công nghệ Khai thác Thủy sản, viện Công nghệ Sinh học & Môi trường, Viện Nuôi trồng Thủy sản đào tạo tại Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường các khoa, Giám đốc các viện, Trường phòng Đào tạo và Trường phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 47 sinh viên, Cao đẳng chính quy cho 65 sinh viên; vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

A. Đại học chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K48 2006- 2010	K49 2007- 2011	K50 2008- 2012	K51 2009- 2013	Cộng
1	An toàn hàng hải	-	01	-	-	01
2	Khai thác thủy sản	-	01	-	-	01
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	01	02
4	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	01	01
5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	01	-	02	03
6	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	03	-	03
7	Công nghệ thực phẩm	-	-	01	01	02
8	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	-	02	02
9	Công nghệ sinh học	-	-	01	01	02
10	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	01	01
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	01	-	02	03
12	Quản trị kinh doanh	-	-	-	04	04
13	Kinh doanh thương mại	-	-	-	02	02
14	Kế toán	-	01	01	04	06

TT	Ngành tốt nghiệp	K48 2006- 2010	K49 2007- 2011	K50 2008- 2012	K51 2009- 2013	Cộng
15	Tài chính – Ngân hàng	-	02	-	09	11
16	Công nghệ thông tin	01	01	-	-	02
17	Ngôn ngữ Anh	-	-	-	01	01

B. Cao đẳng chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K49 2007- 2010	K50 2008- 2011	K51 2009- 2012	K52 2010- 2013	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật nhiệt-lạnh	-	-	-	01	01
2	Cơ Điện Lạnh	01	01	-	04	06
3	Công nghệ đóng tàu	-	01	03	03	07
4	Kế toán	-	-	08	41	49
5	Công nghệ thông tin	-	01	-	01	02

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

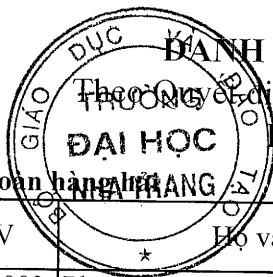
HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu Văn thư, ĐT.



Vũ Văn Lương



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ IV NĂM 2013

Theo Quy chế định số 140.3.../QĐ-ĐHNT ngày 16.../10.../2013

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Ngành An toàn hàng không

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	4913023003	Phạm Văn Bình	Nam	06/09/89	Khánh Hòa	Trung bình	49HHAT

Danh sách có 01 sinh viên

2. Ngành Khai thác thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51131441	Nguyễn Hữu Thông	Nam	01/12/91	Thanh Hoá	TB Khá	51HHKT

Danh sách có 01 sinh viên

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50132034	Nguyễn Xuân Anh Văn	Nam	15/01/90	Khánh Hoà	Trung bình	50D-DT
2	51131390	Hoàng Văn Thiết	Nam	07/02/89	Nghệ An	TB Khá	51D-DT

Danh sách có 02 sinh viên

4. Ngành Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130478	Lê Tấn Hưng	Nam	01/01/91	Quảng Ngãi	TB Khá	51CKCT

Danh sách có 01 sinh viên

5. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	4913035020	Nguyễn Thế Linh	Nam	29/08/88	Thái Bình	TB Khá	49XD
2	51132144	Nguyễn Văn Đạt	Nam	01/08/91	Quảng Trị	TB Khá	51XD-1
3	51132185	Nguyễn Minh Nguyên	Nam	23/11/91	Khánh Hòa	TB Khá	51XD-1

Danh sách có 03 sinh viên

6. Ngành Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50131781	Trần Văn Trường	Nam	28/11/90	Nam Định	Trung bình	50TTDL
2	50130277	Cao Văn Dũng	Nam	16/06/90	Thanh Hóa	Trung bình	50TTDT-2
3	4913061090	Hoàng Văn Anh	Nam	15/02/87	Thanh Hóa	TB Khá	50TTDT-3

Danh sách có 03 sinh viên

7. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50131344	Trần Xuân Sơn	Nam	26/12/90	Hưng Yên	Trung bình	50CBTP-3
2	51130708	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	02/09/89	Quảng Trị	TB Khá	51CBTP-1

Danh sách có 02 sinh viên

8. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51131649	Hồ Đức Toàn	Nam	28/02/91	Quảng Nam	TB Khá	51CNMT
2	51131866	Vũ Văn Tuấn	Nam	05/12/90	Bắc Ninh	TB Khá	51CNMT

Danh sách có 02 sinh viên

9. Ngành Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130037	Ngô Quỳnh Anh	Nữ	18/11/90	Phú Thọ	TB Khá	50CNSH
2	51130345	Thái Viết Hiếu	Nam	29/01/91	Quảng Nam	TB Khá	51CNSH

Danh sách có 02 sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NHA TRANG

Danh sách có 01 sinh viên

Stamp: **PHẠM TRẠNG**
sinh viên
n trị kinh doanh du lịch

Danh sách có 01 sinh viên

sinh viên

tri kinh doanh

Danh sách có 04 sinh viên

doanh thương mai

Danh sách có 02 sinh viên

án

Danh sách có 06 sinh viên

hính - Ngân hàng

Danh sách có 11 sinh viên



16. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	48133027	Hóa	Nam	03/07/86	Phú Yên	Trung bình	48THMA
2	48133050	Nguyễn Xuân Long	Nam	29/10/88	Khánh Hòa	Trung bình	49THMA

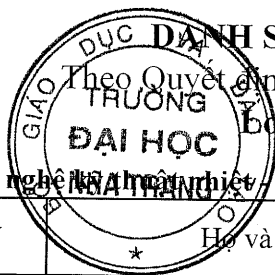
Danh sách có 02 sinh viên

17. Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51131934	Lê Thị Tình	Nữ	20/05/89	Thanh Hóa	TB Khá	51TAPD

Danh sách có 01 sinh viên

Handwritten signature



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ IV NĂM 2013

Theo Quyết định số 1403.../QĐ-ĐHNT ngày 16.../10.../2013

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện lạnh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	52160700	Phan Thanh Vang	Nam	07/10/91	Bình Định	Khá	CNL52

Danh sách có 01 sinh viên

2. Ngành Cơ Điện Lạnh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	4916093045	Trần Ngọc Trai	Nam	18/02/88	Khánh Hoà	Trung bình	CDL49
2	50160124	Huỳnh Minh Hoàng	Nam	15/12/89	Khánh Hoà	Trung bình	CDL50
3	52160122	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	15/11/92	Khánh Hòa	Trung bình	CDL52
4	52160133	Nguyễn Minh	Nam	10/05/92	Khánh Hòa	Khá	CDL52
5	52160147	Nguyễn Văn Thúc	Nam	08/04/90	Đắk Lắk	Trung bình	CDL52
6	52160161	Tổng Hải Văn	Nam	30/06/92	Thanh Hóa	Khá	CDL52

Danh sách có 06 sinh viên

3. Ngành Công nghệ đóng tàu

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50160216	Thái Văn Khang	Nam	06/12/89	Nghệ An	TB Khá	CTT50
2	51161008	Bùi Văn Đàn	Nam	16/08/90	Nghệ An	Trung bình	CTT51
3	51160903	Nguyễn Xuân Tinh	Nam	17/06/90	Nghệ An	Trung bình	CTT51
4	51160972	Nguyễn Hoài Vũ	Nam	08/08/91	Khánh Hòa	TB Khá	CTT51
5	52160825	Lê Đức Cường	Nam	30/08/91	Nghệ An	Trung bình	CTT52
6	52160833	Lê Nhật Huy	Nam	05/05/92	Khánh Hòa	Trung bình	CTT52
7	52160876	Võ Anh Tuấn	Nam	18/06/92	Nghệ An	Trung bình	CTT52

Danh sách có 07 sinh viên

4. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51160396	Huỳnh Thị Kim Ly	Nữ	20/03/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-1
2	51160527	Huỳnh Trọng Nhân	Nam	07/08/91	Khánh Hòa	TB Khá	CDN51-2
3	51160622	Võ Thị Khánh Quỳnh	Nữ	04/06/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-2
4	51160739	Đặng Đức Thịnh	Nam	27/11/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-2
5	51160450	Nguyễn Đình Mạnh	Nam	26/03/91	Nghệ An	Trung bình	CDN51-3
6	51160240	Lê Phan Khánh Hà	Nữ	15/10/91	Khánh Hòa	TB Khá	CDN51-6
7	51160252	Trần Nguyễn Khánh Hà	Nữ	02/09/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-6
8	51160556	Đinh Thị Oanh	Nữ	16/06/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-6
9	52160195	Lê Thị Minh Hạnh	Nữ	15/12/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-1
10	52160186	Huỳnh Trần Mỹ Hoa	Nữ	11/11/92	Quảng Ngãi	Khá	CDN52-1
11	52160204	Chu Thị Hương Lan	Nữ	31/03/92	Đắk Lắk	Trung bình	CDN52-1
12	52160217	Phạm Thị Thúy Nga	Nữ	24/12/92	Nghệ An	Khá	CDN52-1
13	52160219	Hồ Thị Linh Ngân	Nữ	11/06/92	Phú Yên	Khá	CDN52-1
14	52160221	Lương Thị Kim Ngọc	Nữ	09/12/92	Đắk Lắk	Khá	CDN52-1
15	52160222	Phan Văn Ngọc	Nam	21/12/91	Quảng Nam	Khá	CDN52-1
16	52160234	Trần Thị Trúc Quỳnh	Nữ	22/11/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-1
17	52160237	Hồ Lê Băng Sương	Nữ	27/04/92	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-1
18	52160243	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	10/05/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-1
19	52160241	Võ Nhật Minh Thư	Nữ	19/07/92	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-1
20	52160258	Nguyễn Nữ Hồng Trúc	Nữ	30/12/91	Khánh Hòa	Khá	CDN52-1
21	52160269	Nguyễn Thị Kim Viên	Nữ	12/05/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-1
22	52160274	Mai Thị Xô	Nữ	07/03/90	Khánh Hòa	Khá	CDN52-1

4. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
23	52160286	Nguyễn Thị Búp	Nữ	24/04/91	Ninh Bình	Trung bình	CDN52-2
24	52160284	Lê Trọng Cường	Nam	23/07/91	Hà Tĩnh	Khá	CDN52-2
25	52160294	Trần Thị Thu	Nữ	15/07/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-2
26	52160297	Biện Trọng Huân	Nam	01/10/91	Khánh Hòa	Khá	CDN52-2
27	52160337	Trần Lý Anh Phi	Nam	18/01/92	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-2
28	52160373	Nguyễn Đức Tâm	Nam	29/10/92	Bình Định	Trung bình	CDN52-2
29	52160244	Đặng Thị Thanh Thảo	Nữ	23/09/92	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-2
30	52160357	Vũ Thị Thùy	Nữ	20/10/92	Thái Bình	Khá	CDN52-2
31	52160381	Phan Thị Mỹ Vân	Nữ	02/05/92	Bình Định	Khá	CDN52-2
32	52160419	Nguyễn Thị Kiều Linh	Nữ	08/04/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-3
33	52160424	Bùi Quang Luận	Nam	18/09/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
34	52160425	Đào Thị Ly	Nữ	10/09/92	Nghệ An	Khá	CDN52-3
35	52160434	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ	28/08/91	Quảng Trị	Khá	CDN52-3
36	52160450	Nguyễn Siêng	Nam	11/03/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
37	52160477	Trương Thị Tâm	Nữ	13/07/92	Hà Tĩnh	Khá	CDN52-3
38	52160457	Hoàng Thị Thu Thảo	Nữ	20/06/91	Đắk Nông	Khá	CDN52-3
39	52160461	Hồ Thị Thu Thủy	Nữ	16/03/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
40	52160467	Bùi Thị Thu Trang	Nữ	03/08/92	Thái Bình	Khá	CDN52-3
41	52160468	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	21/08/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
42	52160480	Phùng Tổ Uyên	Nữ	21/04/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
43	52160484	Nguyễn Thị Vân	Nữ	18/07/91	Thanh Hóa	Khá	CDN52-3
44	51160020	Nguyễn Hoàng Mai Anh	Nữ	02/06/91	Khánh Hòa	Khá	CDN52-4
45	52160603	Võ Thị Thanh Đăng	Nữ	14/03/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-4
46	52160509	Nguyễn Văn Hiền	Nam	20/04/91	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-4
47	52160532	Nguyễn Thúy Liễu	Nữ	19/10/91	Đắk Lắk	Trung bình	CDN52-4
48	52160551	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	27/02/92	Khánh Hòa	Khá	CDN52-4
49	52160600	Nguyễn Thị Thu Vương	Nữ	15/09/92	Bình Định	Khá	CDN52-4

Danh sách có 49 sinh viên

5. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50160422	Lưu Hồng Quân	Nam	01/10/87	Nam Định	TB Khá	CTH50
2	52160741	Ngô Xuân Hồng	Nam	20/05/91	Bình Định	Trung bình	CTH52

Danh sách có 02 sinh viên